

BỐI CẢNH QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ GIỮA HOA KỲ VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ 1945 ĐẾN 1950

*ThS. Lê Thị Thu Hương**
*TS. Trần Thúy Hiền***

MỞ ĐẦU

Bối cảnh lịch sử chính là hoàn cảnh và sự cố xung quanh một sự kiện nào đó. Theo khái niệm này, không có một sự kiện nào có thể xảy ra mà đứng ngoài bối cảnh lịch sử. Đặc biệt, bước vào thời cận đại, nhất là thời hiện đại khi các quốc gia có sự liên hệ và tương thuộc chặt chẽ vào nhau; trên cơ sở đó chủ nghĩa khu vực và liên khu vực hình thành, trở thành những xu hướng, dòng chảy chung lôi cuốn các chủ thể quan hệ quốc tế tham gia và để lại những dấu ấn sâu sắc đối với từng quốc gia, khu vực và nhân loại. Quan hệ Hoa Kỳ và Việt Nam không phải là ngoại lệ, nghĩa là chịu chung tác động rất lớn của bối cảnh lúc đương thời. Có thể thấy, từ năm 1945 đến năm 1950, quan hệ Hoa Kỳ và Việt Nam chịu ba bối cảnh quốc tế chủ yếu chi phối: (1) *Sự hình thành Mặt trận Đồng Minh trên thế giới chống chủ nghĩa phát xít đã đưa các quốc gia xích lại gần hơn, sẵn sàng hợp tác để đạt mục tiêu chung*; (2) *Sự rạn nứt trong quan hệ giữa các nước Đồng Minh, mà biểu hiện tập trung của hai chủ thể Hoa Kỳ và Liên Xô khi Chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn chót đã thay đổi chính sách, thái độ trong quan hệ*; và (3) *Cuộc Chiến tranh Lạnh diễn ra đã dẫn đến việc thế giới chia thành hai cực, đối đầu căng thẳng đã làm đảo ngược chính sách giữa hai phe*.

Trong vòng 5 năm, bối cảnh quốc tế đã có những thay đổi phức tạp, nhanh chóng, thậm chí đảo chiều khiến cho quan hệ giữa Hoa Kỳ với Việt Nam trải qua những cung bậc thăng trầm, đi vào khúc quanh của lịch sử.

NỘI DUNG

1. Bối cảnh quốc tế tác động đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam từ năm 1945 đến 1950

1.1. Sự hình thành Mặt trận Đồng Minh trên thế giới chống chủ nghĩa phát xít đã đưa các quốc gia xích lại gần hơn, sẵn sàng hợp tác để đạt mục tiêu chung

Bước vào thập niên 30 của thế kỉ XX, trên cơ sở những Hiệp ước ký kết, chủ nghĩa phát xít Đức - Ý - Nhật hình thành và tiến hành chiến tranh phân chia lại lợi ích, bắt đầu từ châu Âu sau lan rộng ra toàn thế giới. Sau khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ (07/12/1941), hầu hết các nước trên thế giới đã bị lôi cuốn vào cuộc chiến, trong đó có Hoa Kỳ. Hoà bình và an ninh thế giới cũng như vận mệnh của tất cả các dân tộc đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng. Việc thành lập một liên minh quốc tế chống chủ nghĩa phát xít là vấn đề được đặt ra bức thiết và trở thành nguyện vọng chung của các lực lượng tiến bộ, dân chủ và hòa bình trên thế giới. Cuối năm 1941, các điều kiện cho sự ra đời một mặt trận đồng minh chống phát xít trên phạm vi thế giới đã hội đủ. Trên cơ sở đó, ngày 01/1/1942, tại Washington DC, đại diện Liên Xô, Mỹ và Anh đã ký kết bản “*Tuyên bố Liên hợp quốc*” của 26 nước. Bản Tuyên bố nhấn mạnh về sự cam kết của các Chính phủ nhằm dồn toàn bộ sức mạnh quân sự và kinh tế chống phát xít và tay sai của chúng; Bất kỳ quốc gia nào có đóng góp vào cuộc đấu tranh chiến thắng chủ nghĩa phát xít đều có thể tham gia bản tuyên bố trên¹. Bản Tuyên bố không chỉ là văn kiện xác nhận sự ra

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

** Trường Chính trị Thành phố Đà Nẵng.

¹ Declaration by the United Nations (January 1, 1942).

đời của Mặt trận Đồng Minh chống phát xít mà còn nêu lên điều kiện cho các quốc gia, đảng phái có thể tham gia.

Bản Tuyên bố này phù hợp với tình hình Đông Dương đang chịu sự chiếm đóng của phát xít Nhật, nên trong thông cáo “Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng”, Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định: “Vô sản giai cấp Đông Dương và nhân dân Đông Dương phải đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược”². Ngay sau đó, trong Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”³, Đảng đã xác định: *Nhật là kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương*.

Triển khai chủ chương trên, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã tìm kiếm sự giao thiệp và ủng hộ từ các lực lượng dân chủ, bao gồm Mỹ nhằm khẳng định vị trí của cách mạng Việt Nam trong phe Đồng minh chống phát xít. Trong khi đó, phía Mỹ cũng gặp những khó khăn về thu thập thông tin ở khu vực Đông Dương, nhất là sau ngày Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945). Từ lợi ích song trùng, Chính phủ Mỹ cho phép Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS) và Phòng Thông tin Chiến tranh (OWI) được tiếp xúc, liên lạc với Việt Minh. Kết quả là, ngày 29/3/1945 tại cuộc gặp giữa Hồ Chí Minh với Tướng Claire Chennault, tư lệnh Tập đoàn Không quân 14 Hoa Kỳ, ở Côn Minh (Trung Quốc), hai bên đã có những thoả thuận hợp tác giúp đỡ lẫn nhau. Theo đó, phía Việt Minh sẽ lập trạm cứu trợ phi công Mỹ ở Bắc Kỳ, cung cấp tin tức về tình hình quân đội Nhật ở Đông Dương; còn phía Mỹ sẽ giúp các phương tiện cần thiết bao gồm vũ khí và huấn luyện quân sự cho Việt Minh⁴. Dựa vào quan hệ mới thiết lập, hai bên đã triển khai những hoạt động thiết thực và có hiệu quả. Cụ thể là, Việt Minh đã cho in 8 vạn tờ truyền đơn bằng tiếng Việt cổ động cho hợp tác Việt - Mỹ trong chiến đấu, được rải khắp Bắc Kỳ. Việt Minh còn tiếp đón đội biệt kích Mỹ nhảy dù xuống khu giải phóng Việt Bắc và đưa về đồn trú tại cơ quan đầu não của cách mạng ở Tân Trào. Trong khi đó, phía Mỹ đã giúp huấn luyện khoảng 200 chiến sĩ du kích Việt Minh, cung cấp nhiều vũ khí, khí tài và điện đài... Đặc biệt, những người Mỹ đã có mặt khi Việt Minh tiến đánh Thái Nguyên và tiến về Hà Nội. Chính sự hiện diện của nhiều sĩ quan cao cấp Mỹ trong các sự kiện quan trọng của Việt Minh phản ánh một thực tế rằng: Mỹ đã có quan hệ chính thức với chế độ Việt Minh và hoàn toàn ủng hộ những người cách mạng⁵.

1.2. Sự rạn nứt trong quan hệ giữa các nước Đồng Minh, mà biểu hiện tập trung của hai chủ thể Hoa Kỳ và Liên Xô khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai đi vào giai đoạn chót đã thay đổi chính sách, thái độ trong quan hệ

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam non trẻ phải đối diện với muôn vàn khó khăn, phức tạp. Ở trong nước, nạn đói, nạn dốt và khó khăn tài chính đang hoành hành nghiêm trọng. Trong khi đó, sứ mệnh của đại diện lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân Nhật lại thực hiện những chính sách bất lợi cho cách mạng Đông Dương. Cụ thể là, nếu ở miền Bắc quân Trung Hoa Dân Quốc kéo với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thì ở miền Nam, quân Anh cũng dọn đường cho người Pháp tái chiếm thuộc địa. Hoàn cảnh đó đặt Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Hơn bao giờ hết, việc tranh thủ sự ủng hộ của các nước lớn như một điều kiện được đặt

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.239

³ “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (12/03/1945), trong Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.364 - 373.

⁴ Charles Fenn: *Hồ Chí Minh - A Biographical Introduction*, Studio Vista, 1973.

⁵ Bộ Ngoại giao Việt Nam: *Đấu tranh ngoại giao trong Cách mạng Dân tộc Dân chủ nhân dân (1945 - 1954)* (lưu hành nội bộ), Hà Nội, 2002, tr.109.

ra cấp bách để chính quyền non trẻ góp phần hoá giải những thách thức này.

Dựa vào sự hợp tác Việt - Mỹ trong Cách mạng tháng Tám và Tuyên bố thiết lập chế độ uỷ thác quốc tế ở Đông Dương, như khẳng định của đại diện Mỹ và Liên Xô tại Hội nghị Tam cường ở Tehran (1943), rằng: Pháp phải trả giá cho sự cộng tác với phát xít Đức và nhất trí không để cho Pháp khôi phục chế độ thuộc địa ở Đông Dương⁶, Hồ Chí Minh đã thông qua các kênh để kết nối với chính phủ Hoa Kỳ. Khoảng nửa năm đầu của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Tổng thống và Ngoại trưởng Mỹ 8 bức thư và điện, trong đó yêu cầu công nhận nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam và sự hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ⁷ cũng như đề nghị Mỹ và các nước lớn can thiệp, ngăn chặn cuộc đổ máu đang diễn ra ở Nam Bộ, đi tới một giải pháp cấp bách và hợp lý cho vấn đề Đông Dương, đồng thời đưa vấn đề Đông Dương ra trước tổ chức Liên Hiệp Quốc⁸. Những yêu cầu chính đáng của Hồ Chí Minh rất phù hợp với thực tế Việt Nam và những cam kết, tuyên bố của các nước lớn lúc bấy giờ nhưng chính phủ Mỹ đã không hồi đáp. Điều đó đã phản ánh một thực tế rằng, bối cảnh lịch sử đã thay đổi nên thái độ của Mỹ cũng có sự chuyển dịch.

Thực tế, mặt trận Đồng Minh là một khối bao gồm các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, thậm chí đối lập về ý thức hệ. Cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít như một nhân tố tạm thời hoà hoãn các xung đột đó lại. Nhưng khi thắng lợi của phe Đồng Minh trở nên rõ ràng, nhất là vào năm cuối của cuộc chiến tranh, những xung đột, bất hoà bộc lộ sự rạn nứt của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Liên Xô, không chỉ toan tính qua thực địa chiến trường mà còn thể hiện sâu sắc trong các hội nghị Yalta, Potsdam để phân chia phạm vi ảnh hưởng... Mỹ nhanh chóng có những động thái tập hợp lực lượng nhằm chống lại Liên Xô sau kết thúc chiến tranh. Biểu hiện rõ ràng chính sách xây dựng đồng minh của Mỹ là thay đổi lập trường với Pháp: từ không ủng hộ sang ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương. Hơn nữa, xét trên phương diện ý thức hệ, việc Mỹ cho rằng Hồ Chí Minh là người của quốc tế cộng sản⁹ cũng là nhân tố góp phần cản trở quan hệ Việt - Mỹ. Phân tích bối cảnh trên, để lý giải một thực tế rằng, vì sao Mỹ đã từ chối những yêu cầu chính đáng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam rơi vào “khoảng lặng”.

1.3. Cuộc Chiến tranh Lạnh diễn ra đã dẫn đến việc thế giới chia thành hai cực, đối đầu căng thẳng đã làm đảo ngược chính sách giữa hai phe, trong đó có quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mặc dù chịu nhiều tổn thất nhưng Liên Xô vẫn khẳng định được vị thế và nhanh chóng khôi phục để vươn lên trở thành siêu cường, bên cạnh siêu cường Mỹ chi phối quan hệ quốc tế trong trật tự hai cực Yalta. Trước sự mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, ngày 12/3/1947, tổng thống Mỹ Harry S. Truman đã cho ra đời Học thuyết Truman, khẳng định Liên Xô là địch thù, sẵn sàng chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Học thuyết Truman đã chính thức phát động cuộc Chiến tranh Lạnh, buộc các quốc gia phải chọn phe hoặc là Chủ nghĩa tư bản hoặc là Chủ nghĩa cộng sản do Mỹ và Liên Xô đại diện. Thế giới từ đó chứng kiến cuộc tranh giành ảnh hưởng và đối đầu căng thẳng giữa hai phe trên mọi lĩnh vực cũng như trên mọi phạm vi địa lý. Chính hoàn cảnh đó đã tác động mạnh mẽ đối với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với thế giới, trong đó có Việt Nam.

⁶ Declaration of the Three Powers - Tehran Conference, December 1, 1943.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.176 - 177.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, tr.182.

⁹ Archimedes L.A. Patti: *Tại sao Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, 2008, tr.725.

Sau Cách mạng tháng Tám, Mỹ đã từng bước ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương. Đến khi phát động cuộc Chiến tranh Lạnh, quan điểm đó trở nên rõ ràng, khi Bộ Ngoại giao Mỹ chính thức khẳng định “Lập trường chủ yếu trong nhận thức của chúng ta là ở Đông Nam Á, chúng ta nhất thiết phải cùng hội với người Pháp, cũng như với người Anh và Hà Lan”¹⁰.

Hơn nữa, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở châu Á, trong đó có Việt Nam, đặc biệt là thắng lợi của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc nội chiến, Mỹ đã thúc đẩy Pháp về một giải pháp Bảo Đại, lập chính phủ đối lập với Chính phủ Hồ Chí Minh, để cung cấp vũ khí và viện trợ kinh tế khi điều kiện thích hợp. Dưới tác động của Mỹ, ngày 07/01/1949, Chính phủ lâm thời Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại làm quốc trưởng đã ra đời. Ngay lập tức, ngày 04/02/1950, Tổng thống Mỹ Truman đã công nhận và chính thức đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ mới này. Ngày 01/05/1950, chính phủ Mỹ đã phê duyệt gói viện trợ 10 triệu đô la cho Pháp. Tháng 9 cùng năm, Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ cho Đông Dương (*Military Assistance Advisory Group - MAAG*) do tướng Brink chỉ huy đã có mặt tại Sài Gòn với nhiệm vụ hỗ trợ Pháp trong nỗ lực chống lại Việt Minh. Như vậy, lo ngại trước sự lớn mạnh của chủ nghĩa cộng sản, cho đến năm 1950, Mỹ đã công khai ủng hộ Pháp và chính quyền bù nhìn trên các phương diện chính trị, kinh tế và quân sự, trực tiếp dính líu đến cuộc chiến tranh Đông Dương. Đây cũng là cơ sở để Mỹ tiếp tục sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và trực tiếp gây ra cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. Những phân tích trên đây cũng phản ánh một thực tế rằng, quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển thành đối đầu, thù địch. Trong bối cảnh đó, năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Âu lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ đây, chính phủ do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã đứng hẳn về phe xã hội chủ nghĩa chống lại chủ nghĩa tư bản, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, bối cảnh quốc tế là những nhân tố khách quan nhưng những gì phân tích cho thấy, thực chất đó chính là chính sách của các nước lớn, mà Hoa Kỳ có tầm quan trọng chủ chốt trong việc định hình và thúc đẩy. Vì là người tạo ra bối cảnh trên, nên trong quan hệ với Việt Nam, Hoa Kỳ luôn nắm giữ vai trò chủ động và định đoạt. Còn phía Việt Minh, sau này là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đóng vai trò thụ động và phụ thuộc.

Thứ hai, từ năm 1945 đến năm 1950, bối cảnh quốc tế có những biến động nhanh chóng và phức tạp, tác động và chi phối sâu sắc đến quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ. Trong đó, có bối cảnh thuận chiều, phù hợp đã tạo nên sự song trùng lợi ích, đưa đến kết quả hợp tác hiệu quả, đầy triển vọng của Hoa Kỳ và Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám. Nhưng cũng có những bối cảnh bất thuận, đảo chiều đã cản trở, thậm chí khiến cho Mỹ và Việt Nam đối đầu thù địch trong gần nửa thế kỷ sau đó. Đến năm 2023, quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện. Từ đó cho thấy, khi bối cảnh thay đổi thì cũng kéo theo sự thay đổi về hợp tác quan hệ.

Thứ ba, nhận thức được bối cảnh là do chính sách của các nước lớn tạo ra, để từ đó xây dựng một Việt Nam hùng mạnh, có vai trò và vị thế tương xứng, nhằm góp phần cùng các quốc gia định hình nên những bối cảnh, khung khổ trong bàn cờ khu vực và thế giới.

¹⁰ Archimedes L.A. Patti, *Sđd*, 2008, tr.732.